HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2023/NQ-HĐND	*Kiên Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 411/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 91/BC-KTNS ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh thuộc nội dung triển khai của các Chương trình khoa học và công nghệ theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Nghị quyết này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

c) Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Kiên Giang để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc Gia, cấp Bộ được thực hiện theo định mức tương ứng tại Nghị quyết này.

d) Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh thì khuyến khích áp dụng định mức theo Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Những nội dung khác có liên quan đến lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 ngày 01 tháng 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là 30 triệu đồng/người/tháng và đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là 20 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác (thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu:

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Kiên Giang và chế độ tiếp khách trong nước và Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND và các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Nghị quyết này quy định định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: (1.000 đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Người/buổi	1.600	1.200
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	400	300
3	Trình bày báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.400	1.800
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.200	900

5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/ buổi	250	200

3. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại số thứ tự II của bảng biểu tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

6. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu và các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 4. Một số nội dung, định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: (1.000 đồng)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở
I	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	900
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800	600
	Thư ký khoa học; Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		550	400
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	0	0
	Chủ tịch Hội đồng		550	400
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		400	300
II	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.450	1.100
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên		1.200	900

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở
	Hội đồng			
	Thư ký khoa học; Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600
III	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	900
IV	Chi thù lao ý tưởng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được cấp thẩm quyền duyệt	01 ý tưởng đề xuất nhiệm vụ	2.000	

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại số thứ tự II của bảng biểu tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: (1.000 đồng)

	Nội dung công việc	Đơn vị	Mức chi

			Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	600
2	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	550	400
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	150

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định kinh phí được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính không quá 5 lần tổng mức chi thù lao của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND.

b) Dự toán chi thù lao cho Hội đồng đánh giá trong quá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại số thứ tự II của bảng biểu tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

6. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại số thứ tự II của bảng biểu tại điểm a khoản 1 Điều này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Hai mươi thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Đăng Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Mai Văn Huỳnh